BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			10A17	10A18	60TVDC1	60TVDC2	60TVDC3	60TVDC4	60TVDC5_BX	60TVDC6_YL	60TVDC7A_YL	60TVDC7B_YL	60TVDC8_LT	60TVDL1	60TVDL2	60TVDL3	60TVDT1	60TVDT2	60TVDT3	60TVDT4	60TVDT5	60TVDT6_YL	60TVDT7_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 09/01	Sáng	1												Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)		
		2														Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)							
		3												Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.202)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)		
		4												Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)		
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 10/01	Sáng	1												Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)		
		2														Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)							
		3												Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)			Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.303)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.303)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		4												Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.406)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.406)		
		5														Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)		
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 11/01	Sáng	1												Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)		
		2																Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)				
		3												Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.202)					Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)		
		4												Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)				
		5												Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)			Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)		
	Chiều	6	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tình (H5.307)																			
		7	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)																			
		8		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)																			
		9	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.307)																			
		10	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)																				

LỚP			10A17	10A18	60TVDC1	60TVDC2	60TVDC3	60TVDC4	60TVDC5_BX	60TVDC6_YL	60TVDC7A_YL	60TVDC7B_YL	60TVDC8_LT	60TVDL1	60TVDL2	60TVDL3	60TVDT1	60TVDT2	60TVDT3	60TVDT4	60TVDT5	60TVDT6_YL	60TVDT7_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 12/01	Sáng	1												Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.202)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)		
		2														Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)						
		3																Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)		
		4												Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		5																					
	Chiều	6	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.403)	Toán học 4 Hà Thị Duyên (H5.307)																			
		7	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)																				
		8		Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)																			
		9	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)																				
		10		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuý (H5.307)																			
Thứ 6 13/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán học 4 Hà Thị Duyên (H5.307)																			
		7	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)																				
		8		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến ()																			
		9	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)																			
		10																					
Thứ 7 14/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			60TVGK1	60TVHA1_LT	60TVKT1	60TVKT2	60TVMT1	60TVMT2A_BX	60TVMT2B_BX	60TVMT3_VT	60TVQM1	60TVQM2	60TVQM3	60TVQM4	60TVQM5	60TVS1	60TVS2	60TVS3	60TVVP1	60TVVP2	60TVVP3	60TVVP4	61CDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 09/01	Sáng	1	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.307)		Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	
		2	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)										Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.201)	
		3			Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)						Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)		Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)			Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.104)
		4	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)				Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)			
		5										Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.302)			Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.302)								
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 10/01	Sáng	1	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)		Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)				Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)	
		2			Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)						Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)			Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)		Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			
		3					Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.301)				Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.301)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.104)
		4	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)							Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)					Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)				
		5			Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.204)					Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hoa (H5.304)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hoa (H5.304)		Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.404)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.404)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)	
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 11/01	Sáng	1	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)		Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.204)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	
		2			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)													Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)				
		3	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)									Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)			Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.104)
		4			Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)				Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)			Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)			Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.201)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.201)	
		5	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.307)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.307)					Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)	
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			60TVGK1	60TVHA1_LT	60TVKT1	60TVKT2	60TVMT1	60TVMT2A_BX	60TVMT2B_BX	60TVMT3_VT	60TVQM1	60TVQM2	60TVQM3	60TVQM4	60TVQM5	60TVS1	60TVS2	60TVS3	60TVVP1	60TVVP2	60TVVP3	60TVVP4	61CDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 12/01	Sáng	1	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)				Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)	
		2									Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)						Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)			
		3	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)				Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến ()				Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến ()	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)			Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	
		4			Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)				Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)			Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)					
		5	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)					Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)		Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 13/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 14/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐL1A	61TCĐL1B	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA	61TCS1B_TA	61TVCT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 09/01	Sáng	1	Tiếng anh 4 Triệu Văn Dũng (H3.105)			Tiếng anh 4 Nguyễn Hồng Yến (H3.106)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.205)															
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.105)	Tiếng anh 4 Hà Ngọc Tân (H3.104)		Tiếng anh 4 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.102)					Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.102)				
		7																					
		8																					
		9								Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)					Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)				
		10																					
Thứ 3 10/01	Sáng	1	Tiếng anh 4 Triệu Văn Dũng (H3.105)			Tiếng anh 4 Nguyễn Hồng Yến (H3.106)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.205)															
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.105)	Tiếng anh 4 Hà Ngọc Tân (H3.104)		Tiếng anh 4 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)					Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)				
		7										Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)							Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)				
		8																					
		9								Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)	Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)					
		10																					
Thứ 4 11/01	Sáng	1	Tiếng anh 4 Triệu Văn Dũng (H3.105)			Tiếng anh 4 Nguyễn Hồng Yến (H3.106)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.205)															
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.105)	Tiếng anh 4 Hà Ngọc Tân (H3.104)		Tiếng anh 4 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205)														Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)
		7																					
		8																					Địa lý 4 Nguyễn Thị Tình (H5.304)
		9																					Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)
		10																					Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)

LỚP			61CDL1	61CDT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCDC1	61TCDL1A	61TCDL1B	61TCDT1A_VT	61TCDT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA	61TCS1B_TA	61TVCT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 12/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)
		7																					
		8																					Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)
		9																					
		10																					Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)
Thứ 6 13/01	Sáng	1								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.101)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.102)					Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.102)				
		2																					
		3										Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)											
		4								Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)	Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)						Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				
		5																					
	Chiều	6																					Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)
		7																					
		8																					Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân ()
		9																					
		10																					Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)
Thứ 7 14/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			61TVDC1	61TVDC2	61TVDC3	61TVDC4A_YL	61TVDC4B_YL	61TVDC5A_BX	61TVDC5B_BX	61TVDC6A_BX	61TVDC6B_BX	61TVDL1	61TVDL2	61TVDL3A_VT	61TVDL3B_VT	61TVDL4_VT	61TVDL5A_LT	61TVDL5B_LT	61TVDL6_TD	61TVDT1	61TVDT2	61TVDT3	61TVDT4_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 09/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 10/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 11/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)							Vật lý 4 Phạm Thanh Mai ()	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)							Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)
		7	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)									Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.203)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.404)							Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.204)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)
		8		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)							Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.404)							Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)	
		9	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)							Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)							Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)
		10																			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	

LỚP			61TVDC1	61TVDC2	61TVDC3	61TVDC4A_YL	61TVDC4B_YL	61TVDC5A_BX	61TVDC5B_BX	61TVDC6A_BX	61TVDC6B_BX	61TVDL1	61TVDL2	61TVDL3A_VT	61TVDL3B_VT	61TVDL4_VT	61TVDL5A_LT	61TVDL5B_LT	61TVDL6_TD	61TVDT1	61TVDT2	61TVDT3	61TVDT4_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 12/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)							Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)							Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)	
		7	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)																Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	
		8	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)							Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)							Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)		Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)							Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	
		10																					
Thứ 6 13/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)							Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)							Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	
		7																		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)			
		8	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)							Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)							Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh ()	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)							Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	
		10																					
Thứ 7 14/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			61TVKT1	61TVKT2	61TVLD1A_YL	61TVLD1B_YL	61TVLD2A_YL	61TVLD2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 09/01	Sáng	1																				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.104)
		9																					
		10																					
Thứ 3 10/01	Sáng	1																				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.104)
		9																					
		10																					
Thứ 4 11/01	Sáng	1																				Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SÂN TẬP_KTX1)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai ()	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)		
		7	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)					Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.203)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)				Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân ()	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân ()		
		8	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)					Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.304)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SÂN TẬP_KTX1)
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)									Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		
		10		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)					Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				

LỚP			61TVKT1	61TVKT2	61TVLD1A_YL	61TVLD1B_YL	61TVLD2A_YL	61TVLD2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 12/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)			Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.406)		
		7		Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)				
		8	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)						Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)			Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)			Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)		
		9	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)									Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)		Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)		
		10							Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)						Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)					
Thứ 6 13/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)			Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.406)		
		7	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)						Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)				Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân ()		Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)		
		8	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh ()											Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)						
		9	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)		Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.406)		
		10													Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)				Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)				
Thứ 7 14/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 09/01	Sáng	1		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)			An toàn điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			An toàn lao động Phan Thanh Đạt (X10.101_PHLT Khoa CK)		Xác định bồi cảnh nghề và tiến trình đào tạo Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.104)							Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.106)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.106)									Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)
		7																					
		8																		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
		9																		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.202)
		10																					
Thứ 3 10/01	Sáng	1		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)			An toàn điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			An toàn lao động Phan Thanh Đạt (X10.101_PHLT Khoa CK)		Xác định bồi cảnh nghề và tiến trình đào tạo Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H5.104)							Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.106)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.106)	An toàn điện Phan Thị Lý ()								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		7																					
		8																		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)
		9																		Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		
		10																				Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)
Thứ 4 11/01	Sáng	1		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.103)			An toàn điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			An toàn lao động Phan Thanh Đạt (X10.101_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)							Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)												
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 12/01	Sáng	1										An toàn điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			An toàn lao động Phan Thanh Đạt (X10.101_PHLT Khoa CK)								
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6										An toàn điện Phan Thị Lý ()											
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 13/01	Sáng	1													An toàn lao động Phan Thanh Đạt (X10.101_PHLT Khoa CK)					Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)
		2																				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)
		3																		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)
		4																					
		5																		Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 14/01	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)
		7																				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
		8																		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)		
		9																		Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.302)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.306)		
		7								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)								
		8									Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)			Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)		
		9								Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)		
		10										Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		
Thứ 3 10/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6								Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)				Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)		
		7									Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)							
		8								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		
		9									Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		
		10								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)								
Thứ 4 11/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVDC5_BX	62TVDC6_BX	62TVDC7_YL	62TVDC8_YL	62TVDC9_YL	62TVDH1_YL	62TVDH2_YL	62TVDL1	62TVDL2	62TVDL3	62TVDL4_VT	62TVDT1	62TVDT2	62TVDT3	62TVDT4_VT	62TVDT5_VT	62TVDT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 13/01	Sáng	1								Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	
		2																				
		3								Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	
		4								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)								
		5								Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()		Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()		
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng ()		Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng ()				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	
		7								Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)		Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)		Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)					
		8									Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hanh (H5.307)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hanh (H5.307)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	
		9								Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()		Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()				Chào cờ ()	
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần01: Từ 09-01 đến 15-01-2023

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		7																				
		8	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	
		9	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)									Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		10			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.404)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.404)	
Thứ 3 10/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	
		7																				
		8	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		9	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)				Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		10			Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)					Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)			
Thứ 4 11/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 13/01	Sáng	1	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)	
		2	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)					Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)												
		3	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		4																				
		5	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0			Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0			Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	Sinh hoạt lớp 0	
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/01	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	
		7	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)				Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	
		8						Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)				
		9	Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0			Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0			Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0	Chào cờ 0	
		10																				